

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 122-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 1982

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 122/HĐBT NGÀY 20 THÁNG 7 NĂM 1982 VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG
TRÌNH TIẾN BỘ KHOA HỌC
KỸ THUẬT TRỌNG ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng do Quốc hội thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1981;
Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ban hành
kèm theo Nghị định số 192-CP ngày 13 tháng 10 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ;
Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ ngày 22 tháng 10
năm 1980 về kế hoạch khoa học và kỹ thuật 5 năm 1981 - 1985;
Căn cứ Nghị định số 263-CP ngày 27 tháng 6 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ về chế độ
kế hoạch hoá khoa học kỹ thuật;
Để bảo đảm thực hiện có kết quả các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của
Nhà nước;
Theo đề nghị của đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.*

NGHỊ ĐỊNH

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước (dưới đây gọi tắt là "chương trình") là hệ thống đồng bộ các nhiệm vụ khoa học kỹ thuật (bao gồm các công việc: điều tra, nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, sản xuất thử, đưa vào sản xuất, cải tiến tổ chức, hợp lý hoá sản xuất...) và các biện pháp thực hiện (tổ chức, đầu tư, xây dựng cơ bản...) nhằm góp phần giải quyết một hoặc một số mục tiêu trọng điểm của nền kinh tế quốc dân trên cơ sở áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật.

Các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm phải được thể hiện vào kế hoạch 5 năm, hàng năm và được quản lý theo chế độ thống nhất của Nhà nước.

Điều 2. Xuất phát từ mục tiêu được lựa chọn, về mặt nhiệm vụ khoa học kỹ thuật mỗi chương trình gồm hai nội dung chính:

- Các nhiệm vụ áp dụng thành tựu khoa học và kỹ thuật.
- Các vấn đề, đề tài điều tra, nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

Quá trình thực hiện các nhiệm vụ nói trên phải bao quát từ việc nghiên cứu, điều tra đến việc áp dụng vào sản xuất ở quy mô nhất định, phải huy động được tối đa tiềm lực cán bộ khoa học kỹ thuật và cơ sở vật chất - kỹ thuật của các ngành, các địa phương, các cơ sở tham gia thực hiện nhằm bảo đảm đạt được các mục tiêu đề ra một cách vững chắc.

Điều 3. Các ngành, các cấp phải bảo đảm các điều kiện ưu tiên về cán bộ, tài chính, vật tư, xây dựng cơ bản, vận tải, hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật và các mặt khác để thể hiện có kết quả các chương trình đã được thể hiện vào kế hoạch Nhà nước.

Điều 4. Trong việc quản lý các chương trình phải kết hợp vận dụng các chế độ hiện hành về kế hoạch hoá khoa học và kỹ thuật về ký kết hợp đồng, về khuyến khích tinh thần, vật chất để bảo đảm thực hiện chương trình.

Điều 5. Mỗi chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước phải có một ban chủ nhiệm chương trình phụ trách, đứng đầu ban là một Chủ nhiệm chương trình.

Chủ nhiệm chương trình là một cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị và uy tín, có năng lực tổ chức nhất định, đủ sức đảm đương việc chỉ đạo chương trình do Bộ trưởng Bộ chủ trì giới thiệu, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đề nghị và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Danh sách cán bộ tham gia ban chủ nhiệm chương trình do Chủ nhiệm chương trình giới thiệu, Bộ trưởng Bộ chủ trì đề nghị và Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước quyết định, sau khi nhất trí với các Bộ quản lý cán bộ.

Danh sách các chủ nhiệm hoặc ban chủ nhiệm các vấn đề, đề tài do Chủ nhiệm chương trình đề nghị Bộ chủ trì hoặc Bộ chủ quản quyết định.

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HOÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT TRỌNG ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 6. Để bảo đảm sự thực hiện, mỗi chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm phải có một kế hoạch thực hiện và điều hoà được cơ quan có thẩm quyền duyệt trước khi ghi vào kế hoạch Nhà nước.

Điều 7. Kế hoạch thực hiện và điều hoà của mỗi chương trình bao gồm:

- Các đề cương tiến hành từng nhiệm vụ, từng vấn đề hoặc đề tài trong chương trình.
- Đề cương tổng hợp kế hoạch thực hiện toàn bộ chương trình, được xây dựng trên cơ sở các đề cương tiến hành từng nhiệm vụ, vấn đề, đề tài nói trên.

Các bản đề cương này phải xác định rõ mục tiêu cuối cùng của chương trình hoặc của nhiệm vụ, vấn đề, đề tài trong chương trình; hiệu quả kinh tế - xã hội cuối cùng cần đạt; nội dung, tiến độ thực hiện và phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, từng chủ nhiệm đề tài; các điều kiện vật chất kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền duyệt và được thể hiện vào kế hoạch Nhà nước, bản kế hoạch thực hiện và điều hoà của mỗi chương trình là một văn bản có hiệu lực pháp lý đối với mọi cơ quan, cá nhân tham gia và có liên quan đến chương trình. Chủ nhiệm chương trình và các Chủ nhiệm đề tài có quyền căn cứ kế hoạch thực hiện và điều hoà để ký các hợp đồng với các cơ quan khác nhằm thực hiện chương trình.

Điều 8. Các chương trình và kế hoạch thực hiện và điều hoà của chương trình được xét duyệt theo nguyên tắc sau đây:

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt mục tiêu của chương trình, nội dung các vấn đề đưa vào chương trình quyết định Bộ chủ trì, bổ nhiệm Chủ nhiệm chương trình và quyết định những biện pháp lớn bảo đảm việc thực hiện.
- Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước duyệt đề cương tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình.
- Bộ trưởng bộ chủ trì chương trình duyệt các bản đề cương tiến hành từng nhiệm vụ, vấn đề, đề tài trong phạm vi chương trình và trên nguyên tắc bảo đảm sự ăn khớp với bản đề cương tổng hợp được duyệt.

Điều 9. Các Bộ, Tổng cục, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các cơ quan, đơn vị cơ sở được phân công tham gia các chương trình, các cơ quan quản lý chức năng ở các ngành, các cấp có trách nhiệm thể hiện đầy đủ các nội dung tương ứng của kế hoạch thực hiện và điều hoà vào kế hoạch của ngành, địa phương, cơ quan đơn vị mình theo tinh thần ưu tiên như đã nói ở Điều 3 của Nghị định này.

Mọi việc bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ ghi trong bản kế hoạch thực hiện và điều hoà đều phải được Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước chấp thuận.

Điều 10. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện chương trình

a- Các cơ quan, đơn vị và cán bộ được giao chủ trì nhiệm vụ, đề tài thuộc các chương trình có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao chủ yếu là đánh giá kết quả đạt được so với nhiệm vụ ghi trong kế hoạch thực hiện và điều hoà nêu những đề nghị cần thiết lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết để tạo điều kiện cho chương trình được tiến hành thuận lợi. Thời gian báo cáo được quy định như sau:

- Tháng 3 hàng năm: báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong 6 tháng (từ tháng 9 năm trước) và đề nghị điều chỉnh kế hoạch (nếu cần).
- Tháng 9 hàng năm: báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 12 tháng (từ tháng 9 năm trước) và đề nghị bố trí kế hoạch năm sau.

Các báo cáo này phải được gửi tới:

- Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước;
- Cơ quan chủ trì chương trình;
- Chủ nhiệm chương trình;
- Cơ quan chủ quản nhiệm vụ, vấn đề, đề tài.

b- Các cơ quan chủ quản nhiệm vụ, vấn đề, đề tài có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ cho cơ quan thống kê theo sự hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

c- Sau khi hoàn thành một nhiệm vụ, đề tài, cũng như khi kết thúc một bước quan trọng (ví dụ: hoàn thành nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, chuẩn bị đưa vào sản xuất...) cán bộ và cơ sở chủ trì việc thực hiện phải làm báo cáo để Ban chủ nhiệm chương trình kiểm tra và tổ chức đánh giá. Các kết quả đánh giá của Ban chủ nhiệm chương trình phải được gửi tới:

- Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước;

- Cơ quan chủ trì chương trình;
- Cơ quan chủ quản nhiệm vụ, vấn đề, đề tài.

d- Trên cơ sở các bản đánh giá tình hình thực hiện từng nhiệm vụ, đề tài, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình, Chủ nhiệm chương trình chịu trách nhiệm xây dựng bản báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện toàn bộ chương trình.

Bộ chủ trì tổ chức việc đánh giá và làm báo cáo chính thức trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng thời gửi Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê .

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo và nhận xét kết quả thực hiện các chương trình và tổng hợp báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

CHƯƠNG III

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KHUYẾN KHÍCH

Điều 11. Nguồn tài chính của các chương trình gồm có:

1. Vốn ngân sách Nhà nước cấp, bao gồm:
 - Kinh phí sự nghiệp điều tra nghiên cứu khoa học kỹ thuật;
 - Vốn đầu tư cơ bản để xây dựng và trang bị các cơ sở kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho chương trình;
 - Các nguồn vốn khác của Ngân sách Nhà nước, kể cả kinh phí chuyên dùng, nếu có.
2. Nguồn vốn tự có của đơn vị cơ sở được sử dụng vào mục đích áp dụng tiến bộ kỹ thuật.
3. Nguồn vốn do việc ký kết các hợp đồng đưa lại.

Điều 12. Kinh phí cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, vấn đề, đề tài thuộc chương trình, sau khi được ghi vào kế hoạch Nhà nước phải được thể hiện vào ngân sách Nhà nước và các kế hoạch tài chính của ngành, địa phương và đơn vị cơ sở có liên quan và ghi thành một khoản, mục riêng. Các cơ quan cấp phát cũng như các cơ quan quản lý sử dụng kinh phí có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu tài chính cho các chương trình theo đúng kế hoạch và dự toán được duyệt, không được tự ý điều chỉnh hoặc sử dụng các kinh phí đó vào các mục đích khác; nếu kiểm tra phát hiện việc sử dụng sai kinh phí thì cơ quan làm sai phải dùng kinh phí của mình bù trả lại.